

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST

Ngày 18 tháng 7 năm 2019

V/v: “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phúc Nam.

2. Ông Y Ngõa Niê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 07 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:104/2019/TLST - HNGĐ ngày 01/04/2019 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 06 năm 2019 giữa:

+ Nguyên đơn: Chị Phạm Thị V, sinh năm: 1979 (có mặt).

+ Bị đơn: Anh Vũ Văn T, sinh năm: 1971 (có mặt).

Cùng cư trú tại: Thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 03 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị V trình bày: Chị và anh Vũ Văn T xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, chung sống với nhau từ năm 1996 nhưng đến ngày 29/11/2012 anh chị mới đăng kí kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 160 quyền số 01/2012 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình chung sống với nhau đến năm 2014 thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh T thường xuyên uống rượu và xúc phạm đến chị và gia đình, ngoài ra

anh T còn có tính ghen tuông vô cớ và đánh đập chị. Mặc dù đã được gia đình động viên khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Riêng bản thân chị đã gắng chịu đựng và bỏ qua cho anh T nhiều lần nhưng anh không chịu thay đổi nên mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Vì vậy cuối năm 2016 chị đã làm đơn đến Tòa án để xin ly hôn với anh Vũ Văn T nhưng sau đó được Tòa án hòa giải, động viên nên chị đã rút đơn về và tiếp tục chung sống với anh T. Tuy nhiên do anh T vẫn không hề thay đổi dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, không có cơ hội để đoàn tụ, vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là: Vũ Hồng Vân, sinh ngày 05 tháng 06 năm 1997 và Vũ Tiến Thành, sinh ngày 03 tháng 03 năm 1999. Hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi và sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về T sản chung, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh Vũ Văn T đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được bản tự khai và không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Vũ Văn T có mặt và tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do.

Tại phiên tòa anh Vũ Văn T trình bày: Anh thống nhất với lời khai của nguyên đơn về thời gian kết hôn, chung sống, con chung. Tuy nhiên anh T cho rằng vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn một phần là do chị V thường xuyên đi về khuya, không quan tâm đến chồng con, mặc dù anh đã nhiều lần góp ý nhưng chị V vẫn không thay đổi, vì vậy vợ chồng thiếu tin tưởng nhau và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Theo anh T thì mặc dù vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng nên anh không đồng ý ly hôn.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh T thống nhất với ý kiến của chị Phạm Thị V và không có yêu cầu gì.

Tại các biên bản xác minh lập ngày 22/4/2019, đại diện Ban tự quản Thôn B và chính quyền địa phương xã E cung cấp: Vợ chồng anh Vũ Văn T và chị Phạm Thị V đang cư trú tại Thôn B, xã E, trong quá trình sinh sống tại địa phương vợ chồng anh T và chị V thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh T hay uống rượu về nhà chửi mắng xúc phạm Vợ con, hay ghen tuông vô cớ. Chính quyền địa phương cũng đã nhiều lần hòa giải nhưng vẫn không cải thiện được mà mâu thuẫn ngày càng gay gắt, trầm trọng hơn.

Phần tranh luận các đương sự giữ nguyên quan điểm của mình; Nguyên đơn chị Phạm Thị V đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, bị đơn anh Vũ Văn T mong muốn được đoàn tụ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm Sát phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, hội đồng xét xử (HĐXX) và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ lên Tòa làm việc nhưng anh T không hợp tác là vi phạm quyền và nghĩa vụ quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị Phạm Thị V được ly hôn với anh Vũ Văn T; Về con chung: Cháu Vũ Hồng V, sinh ngày 05 tháng 06 năm 1997 và cháu Vũ Tiến Th, sinh ngày 03 tháng 03 năm 1999. Hiện nay, con chung của anh chị đã đủ 18 tuổi nên việc sống với cha hay mẹ là quyền lựa chọn của các cháu không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của chị Phạm Thị V ngày 18 tháng 03 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện K xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*Ly hôn*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Phạm Thị V khởi kiện xin ly hôn anh Vũ Văn T có nơi cư trú tại Thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật TTDS, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Vũ Văn T có mặt và tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 1 Điều 273 của Bộ luật TTDS để tính thời hạn kháng cáo đối với bị đơn từ ngày tuyên án.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Phạm Thị V và anh Vũ Văn T xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào ngày 29/11/2012, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự cũng như nội dung thông tin Ban tự quản Thôn B và chính quyền xã E cung cấp, HĐXX nhận định lời khai của chị Phạm Thị V là có cơ sở. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thiếu tin tưởng, thiếu tôn trọng nhau trong cuộc sống, anh T thường xuyên uống rượu, ghen tuông vô cớ, chửi bới, có hành vi bạo lực gia đình. Do mâu thuẫn quá trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống được với nhau nên vào năm 2016 chị đã làm đơn ly hôn anh T, nhưng sau đó anh T hứa sẽ sửa chữa khuyết điểm nên chị đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, từ đó đến nay anh T vẫn không thay đổi. Xét thấy, vợ chồng có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị V về việc ly hôn với anh Vũ Văn T là có cơ sở pháp luật.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị V và anh T có 2 con chung là cháu Vũ Hồng V, sinh ngày 05 tháng 06 năm 1997 và cháu Vũ Tiến Th, sinh ngày 03 tháng 03 năm 1999. Hiện nay cả hai cháu đều đủ 18 tuổi và sống tự lập các đương sự không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị V phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk là phù hợp nên HĐXX chấp nhận toàn bộ ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị V được ly hôn với anh Vũ Văn T.

- Về con chung: Đối với cháu Vũ Hồng V, sinh năm 1997 và cháu Vũ Tiến Th, sinh năm 1999 hiện nay đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành và sống tự lập các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Thị V phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2017/0011165 ngày 27 tháng 03 năm 2019.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND huyện Krông Pắc;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện K;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã E;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Long